

Số: **04** /2015/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **10** tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp về kiểm tra, đối chiếu, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước và quản lý, sử dụng, khai thác phần mềm Quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật số 09/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 qui định về Quản lý sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 184/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm Quản lý Tài sản cố định áp dụng trong khu vực hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư 184/2014/TT-BTC ngày 01/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp về kiểm tra, đối chiếu và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước và quản lý, sử dụng, khai thác phần mềm Quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

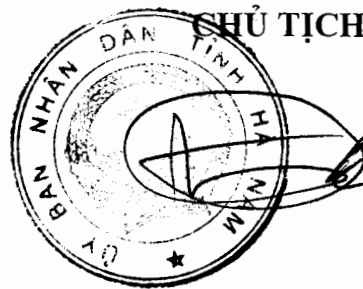
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ll*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra VPQPPL - Bộ Tư pháp;
- VPUB: LĐVP, Các CV;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đông

QUY CHẾ

Ban hành Quy chế phối hợp về kiểm tra, đối chiếu, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước và quản lý, sử dụng, khai thác phần mềm Quản lý tài sản nhà nước (TSNN) trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cả chủ đầu tư, chủ dự án trong trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án) được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước với Sở Tài chính trong việc:

a) Cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

b) Sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước và phần mềm quản lý tài sản nhà nước vào các mục đích: thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Tài chính, các Sở ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà

nước (sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án) được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án trong CSDL và phần mềm Quản lý TSNN.

Điều 3. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính và phần mềm Quản lý TSNN cho các đơn vị trong tỉnh;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập Báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. UBND cấp huyện, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xác nhận báo cáo kê khai của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp, báo cáo biến động của tài sản nhà nước theo đúng thời hạn quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai tài sản nhà nước, báo cáo kê khai tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định;

b) Nhập dữ liệu của các loại tài sản đang quản lý và sử dụng vào phần mềm quản lý TSNN;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phối hợp trong việc lập, xác nhận Báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản nhà nước vào CSDL và phần mềm Quản lý TSNN

1. Báo cáo kê khai tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính; cụ thể :

+ Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN (đính kèm); mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai;

+ Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN (đính kèm); mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai;

+ Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN (đính kèm); mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

Trường hợp các đơn vị đã lập báo cáo kê khai đăng ký theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính thì không cần lập lại báo cáo.

b) Trường hợp có thay đổi về tài sản nhà nước do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sát nhập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai bổ sung theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi. Cụ thể:

- Những tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng tại đơn vị: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN, Mẫu số 02-ĐK/TSNN, Mẫu số 03-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản theo Mẫu số 04a-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo Mẫu số 04b-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô theo Mẫu số 04c-ĐK/TSNN;

- Thay đổi thông tin về tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN;

- Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 04đ-ĐK/TSNN.

2. Báo cáo kê khai tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

Ban Quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện báo cáo kê khai tài sản phục vụ công tác quản lý dự án bao gồm trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án, ô tô

các loại, các tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định về tiêu chuẩn và nhận biết tài sản cố định trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ Tài chính Quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước. Cụ thể:

a) Những tài sản được kê khai lần đầu: Thực hiện theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA, Mẫu số 01b-ĐK/TSDA, Mẫu số 01c-ĐK/TSDA.

b) Đối với tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng sau khi đã thực hiện báo cáo kê khai lần đầu: Thực hiện theo Mẫu số 01a-ĐK/TSDA, Mẫu số 01b-ĐK/TSDA, Mẫu số 01c-ĐK/TSDA

c) Thay đổi thông tin về tài sản theo Mẫu số 02a-ĐK/TSDA, Mẫu số 02b-ĐK/TSDA, Mẫu số 02c-ĐK/TSDA;

d) Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 03/TSDA.

3. Báo cáo kê khai đăng ký tài sản nhà nước, báo cáo kê khai tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước được lập thành 03 bộ, gửi 02 bộ đến Sở, ban, ngành chủ quản hoặc UBND cấp huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch), 01 bộ lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án.

4. Cơ quan chủ quản đối với đơn vị cấp tỉnh, Phòng Tài chính – Kế hoạch đối với đơn vị cấp huyện thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản, Phòng Tài chính- Kế hoạch.

5. Đơn vị trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản có trách nhiệm nhập tất cả các tài sản và công cụ dụng cụ đơn vị hiện đang quản lý và sử dụng theo qui định vào phần mềm quản lý TSNN.

Sau khi đăng nhập xong, đơn vị quản lý và sử dụng tài sản có trách nhiệm truyền dữ liệu về phần mềm Tổng hợp Quản lý TSNN của cơ quan chủ quản, phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện.

Cơ quan chủ quản và phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, chính xác, hợp lý của dữ liệu và duyệt dữ liệu vào phần mềm Tổng hợp Quản lý TSNN. Số liệu sau khi được duyệt là số liệu chính thức về tài sản trong Phần mềm Tổng hợp Quản lý TSNN.

6. Sở Tài chính kiểm tra, đối chiếu và duyệt dữ liệu tài sản của các đơn vị chủ quản và phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện trong Phần mềm Tổng hợp Quản lý TSNN vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước theo đúng quy trình quy định tại Điều 10 Thông tư 184/2014/TT-BTC ngày 01/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

Điều 5. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án trực tiếp quản lý sử dụng tài sản chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong phần mềm Quản lý TSNN và có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan chủ quản trong việc cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã nhập vào Phần mềm Quản lý TSNN với số liệu trên CSDL Quốc gia của Bộ Tài chính.

2. Sở Tài chính hoặc các cơ quan được phân cấp quản lý sau khi đối chiếu số liệu trong CSDL với hồ sơ báo cáo kê khai có trách nhiệm:

a) In và gửi “*Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước*” cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án có tài sản để rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào CSDL;

b) In và gửi thông tin về đất đến Sở Tài nguyên & Môi trường để Sở Tài nguyên & Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án và Sở Tài nguyên & Môi trường có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

Điều 6. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án khi xây dựng kế hoạch mua sắm, đầu tư xây dựng phải trình kèm thông tin về hiện trạng và số lượng tài sản nhà nước hiện có trong CSDL hoặc các thông tin cần thiết khác, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án khi xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm cho hoạt động này phải trình kèm theo “*Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước*” (có xác nhận của cơ quan tài chính) của tài sản từ thời điểm hình thành đến thời điểm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

3. Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án đã đăng ký trong Phần mềm. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án chưa kê khai, đăng ký tài sản theo quy định, Sở Tài chính đề nghị đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện thẩm định dự toán. Không xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo sửa chữa tài sản đối với những đơn vị có tài sản phải đăng ký nhưng không thực hiện kê khai vào Phần mềm.

4. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị. Nếu số liệu trong CSDL quốc gia không phản ánh đúng thực tế hiện

trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

5. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp “*Phiếu xác nhận thông tin trong CSDL về tài sản nhà nước*” cho đơn vị khi có yêu cầu trong trường hợp địa phương chưa phân cấp việc khai thác dữ liệu về tài sản nhà nước trong CSDL cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán (*Sở Tài chính, Phòng Tài chính- Kế hoạch,..*) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào CSDL.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa CSDL với giá trị duyệt quyết toán thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu như quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy chế này, gửi cơ quan chủ quản, Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với đơn vị cấp huyện), Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong CSDL.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản nhà nước đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi.

Điều 8. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo “*Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý*” theo mẫu quy định, được in trực tiếp từ phần mềm quản lý TSNN, CSDL.

2. Sở Tài chính hướng dẫn thủ tục và có trách nhiệm cung cấp “*Danh mục tài sản nhà nước đề nghị xử lý*” cho đơn vị khi có yêu cầu trong trường hợp địa phương chưa phân cấp việc khai thác dữ liệu về tài sản nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 9. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong CSDL để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản in trực tiếp từ CSDL khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 10. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước, UBND huyện, thành phố thuộc tỉnh, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Sở Tài chính có trách nhiệm lập, gửi Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản của năm. Cụ thể:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm lập, gửi Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản của năm theo quy định tại Điều 32, Điều 34 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ

- Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất theo Mẫu số 02B-ĐK/TSNN.

- Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản nhà nước theo Mẫu số 02C-ĐK/TSNN.

Các biểu mẫu kèm theo Báo cáo phải được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước có trách nhiệm

- Báo cáo tổng hợp tình hình biến động tăng giảm tài sản nhà nước theo Mẫu số 02C-ĐK/TSNN theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC.

- Báo cáo chi tiết tình hình tăng giảm tài sản theo Mẫu 05 quy định tại Quy chế này.

- Bảng tổng hợp Nguyên vật liệu, Công cụ dụng cụ, sản phẩm hàng hóa theo Mẫu 06 quy định tại Quy chế này.

- Nhập số dư ban đầu và biến động của tất cả các tài sản và công cụ dụng cụ đơn vị hiện đang quản lý và sử dụng theo qui định vào phần mềm quản lý TSNN và truyền dữ liệu về phần mềm Tổng hợp Quản lý TSNN của cơ quan chủ quản, phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện trước ngày 31/01 hàng năm.

c) Cơ quan chủ quản đối với đơn vị cấp tỉnh, Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với đơn vị cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng và tình hình biến động tài sản nhà nước, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án thuộc phạm vi quản lý, gửi báo cáo về Sở Tài chính; duyệt và truyền dữ liệu về máy chủ của Sở Tài chính trước ngày 28/02 hàng năm.

2. Để đảm bảo số liệu báo cáo được thống nhất, Sở Tài chính thực hiện việc khoá toàn bộ số liệu tài sản thuộc phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia và phần mềm quản lý TSNN để báo cáo vào ngày 28/02 hàng năm. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án chưa nhập dữ liệu tăng, giảm tài sản của năm báo cáo vào Phần mềm phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

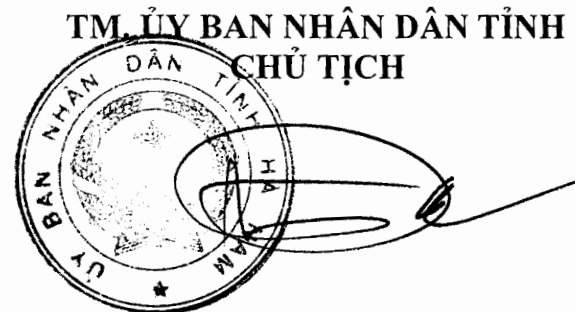
Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt những nội dung của bản Quy chế này thì được khen thưởng. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm mà có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Tài chính tổ chức hướng dẫn thực hiện bản Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp, tình hình báo cáo UBND tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm thi hành những quy định tại bản Quy chế này;

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để hướng dẫn xử lý./. *ll*



Nguyễn Xuân Đông

Bộ, tỉnh:.....
Đơn vị chủ quản:.....
Đơn vị sử dụng tài sản:.....
Mã đơn vị:.....
Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 04a-ĐK/TSNN

**BÁO CÁO KÊ KHAI
THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TÀI SẢN**

| STT | CHỈ TIÊU | THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI | THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI | NGÀY THÁNG THAY ĐỔI | LÝ DO THAY ĐỔI |
|-----|---|----------------------|----------------------------|---------------------|----------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Mã đơn vị QHNS | | | | |
| 2 | Tên đơn vị | | | | |
| 3 | Đơn vị chủ quản | | | | |
| 4 | Địa chỉ | | | | |
| 5 | Thuộc loại (đơn vị tổng hợp/ đơn vị đăng ký) | | | | |
| 6 | Thuộc khối (Bộ, cơ quan trung ương/Tỉnh, huyện, xã) | | | | |
| 7 | Loại hình đơn vị + Cơ quan nhà nước (cơ quan hành chính/cơ quan khác) + Đơn vị sự nghiệp (giáo dục/ y tế/ văn hóa, thể thao/ khoa học công nghệ/ sự nghiệp khác; tự chủ tài chính/chưa tự chủ tài chính) + Tổ chức (chính trị/ chính trị - xã hội/ chính trị xã hội - nghề nghiệp/ xã hội/ xã hội - nghề nghiệp) | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....

Mẫu số 04b-ĐK/TSNN

Đơn vị chủ quản:.....

Đơn vị sử dụng tài sản:.....

Mã đơn vị:.....

Loại hình đơn vị:.....

**BÁO CÁO KÊ KHAI
THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN LÀ TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT
ĐỘNG SỰ NGHIỆP**

| STT | CHỈ TIÊU | THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI | THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI | NGÀY THÁNG THAY ĐỔI | LÝ DO THAY ĐỔI |
|-----|---|-------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | I. Về đất | | | | |
| 1 | Tên tài sản | | | | |
| 2 | Địa chỉ khuôn viên đất | | | | |
| 3 | Tổng diện tích (m ²) | | | | |
| 4 | Giá trị (ngàn đồng) | | | | |
| 5 | Hiện trạng sử dụng (m ²) | | | | |
| | + Làm trụ sở làm việc | | | | |
| | + Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp | | | | |
| | + Cho thuê | | | | |
| | + Làm nhà ở | | | | |
| | + Bỏ trống | | | | |
| 6 | Thông tin khác | | | | |
| | II. Về nhà | | | | |
| 1 | Tên nhà | | | | |
| 2 | Thuộc khuôn viên đất | | | | |
| 3 | Tổng diện tích (m ²) | | | | |
| 4 | Số tầng | | | | |
| 5 | Nguyên giá (ngàn đồng) | | | | |
| | + Nguồn ngân sách | | | | |
| | + Nguồn khác | | | | |
| 6 | Giá trị còn lại (ngàn đồng) | | | | |
| 7 | Hiện trạng sử dụng (m ²) | | | | |
| | + Làm trụ sở làm việc | | | | |
| | + Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp | | | | |
| | + Cho thuê | | | | |

| | | | | | |
|---|---|--|--|--|--|
| | + Làm nhà ở | | | | |
| | + Bò trồng | | | | |
| | + Sử dụng khác | | | | |
| 8 | Thời gian sử dụng được đánh giá lại (năm) | | | | |
| 9 | Thông tin khác | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....

Mẫu số 04c-ĐK/TSNN

Đơn vị chủ quản:.....

Đơn vị sử dụng tài sản:.....

Mã đơn vị:.....

Loại hình đơn vị:.....

**BÁO CÁO KÊ KHAI
THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN LÀ XE Ô TÔ**

| STT | CHỈ TIÊU | THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI | THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI | NGÀY THÁNG THAY ĐỔI | LÝ DO THAY ĐỔI |
|-----|--|----------------------|----------------------------|---------------------|----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Biển kiểm soát | | | | |
| 2 | Loại xe (xe phục vụ chức danh/ Xe phục vụ chung/ Xe chuyên dùng) | | | | |
| 3 | Nguyên giá (ngàn đồng) | | | | |
| | + Nguồn ngân sách | | | | |
| | + Nguồn khác | | | | |
| 4 | Giá trị còn lại (ngàn đồng) | | | | |
| 5 | Số chỗ ngồi, tải trọng | | | | |
| 6 | Hiện trạng sử dụng: | | | | |
| | + Quản lý nhà nước | | | | |
| | + Hoạt động sự nghiệp (Kinh doanh/ Không kinh doanh) | | | | |
| 7 | Thời gian sử dụng được đánh giá lại (năm) | | | | |
| 8 | Thông tin khác | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....

Mẫu số 04d-DK/TSNN

Đơn vị chủ quản:.....

Đơn vị sử dụng tài sản:.....

Mã đơn vị:.....

Loại hình đơn vị:.....

**BÁO CÁO KÊ KHAI
THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN KHÁC CÓ NGUYÊN GIÁ TỪ 500 TRIỆU
ĐỒNG TRỞ LÊN**

| STT | CHỈ TIÊU | THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI | THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI | NGÀY THÁNG THAY ĐỔI | LÝ DO THAY ĐỔI |
|-----|---|----------------------------|----------------------------------|------------------------------|-------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | Tên tài sản | | | | |
| 2 | Loại tài sản (Máy móc, trang thiết bị tin học, điện tử; y tế; giáo dục - đào tạo; thể dục - thể thao; thí nghiệm, nghiên cứu khoa học; phương tiện vận tải đường thủy; tài sản vô hình; công trình vật kiến trúc; tài sản khác) | | | | |
| 3 | Nguyên giá (ngàn đồng) | | | | |
| | + Nguồn ngân sách | | | | |
| | + Nguồn khác | | | | |
| 4 | Giá trị còn lại (ngàn đồng) | | | | |
| 5 | Thông số kỹ thuật | | | | |
| 6 | Hiện trạng sử dụng: | | | | |
| | + Quản lý nhà nước | | | | |
| | + Hoạt động sự nghiệp (Kinh doanh/ Không kinh doanh) | | | | |
| 7 | Thời gian sử dụng được đánh giá lại (năm) | | | | |
| 8 | Thông tin khác | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Đơn vị chủ quản:.....
Đơn vị sử dụng tài sản:.....
Mã đơn vị:.....
Loại hình đơn vị:.....

Mẫu số 04đ-ĐK/TSNN

**BÁO CÁO KÊ KHAI
XÓA THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU**

| STT | MÃ TÀI SẢN | TÊN TÀI SẢN | NGÀY THÁNG THAY ĐỔI | LÝ DO THAY ĐỔI |
|-----|------------|---|---------------------|----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | | Ví dụ: Đất trụ sở Phòng Tài chính Kế hoạch quận Ba Đình | | |
| 2 | | Ví dụ: Nhà làm việc A | | |
| 3 | | Ví dụ: Ô tô Biển kiểm soát 30A-9999 | | |
| 4 | | Ví dụ: Máy nội soi | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
 Đơn vị chủ quản:.....
 Đơn vị sử dụng tài sản:.....
 Mã đơn vị:.....
 Loại hình đơn vị:.....

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Địa chỉ:.....

I- Về đất:

- a- Diện tích khuôn viên đất:.....m².
- b- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc.....; Làm cơ sở HĐ sự nghiệp.....; Làm nhà ở.....; Cho thuê.....; Bỏ trống.....; Bị lấn chiếm.....; Sử dụng vào mục đích khác..... m².
- c- Giá trị theo sổ kế toán:.....ngàn đồng.

II- Về nhà:

| TÀI SẢN | CẤP HẠNG | NĂM XÂY DỰNG | NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG | GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngàn đồng) | | | SỐ TẦNG | DT XÂY DỰNG (m ²) | TỔNG DT XÂY DỰNG (m ²) | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m ²) | | | | | | | |
|-------------------|----------|--------------|--------------------------|-------------------------------------|------------|-----------------|---------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------|----------|----------|--------------|------|--|
| | | | | Nguyên giá | | Giá trị còn lại | | | | Trụ sở làm việc | Cơ sở HĐSN | Sử dụng khác | | | | | |
| | | | | Nguồn NS | Nguồn khác | | | | | | | Làm nhà ở | Cho thuê | Bỏ trống | Bị lấn chiếm | Khác | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | |
| 1- Nhà ... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2- Nhà ... | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | | | | | | | | | | | |

III- Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu:
- Báo cáo kê khai bổ sung:

(Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung)

Bộ, tỉnh:.....
 Đơn vị chủ quản:.....
 Đơn vị sử dụng tài sản:.....
 Mã đơn vị:.....
 Loại hình đơn vị:.....

BÁO CÁO KÊ KHAI XE Ô TÔ

| TÀI SẢN | NHÃN HIỆU | BIÊN KIỂM SOÁT | SỐ CHỖ NGỒI/ TÀI TRÒNG | NƯỚC SẢN XUẤT | NĂM SẢN XUẤT | NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG | CÔNG SUẤT XE | CHỨC DANH SỬ DỤNG XE | NGUỒN GỐC XE | GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (ngân đồng) | | | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (chiếc) | | | |
|--------------------------------|-----------|----------------|------------------------|---------------|--------------|--------------------------|--------------|----------------------|--------------|-------------------------------------|-------------|-----------------|----------------------------|-------------------------|----------|---------|
| | | | | | | | | | | Nguyên giá | Nguyên khác | Giá trị còn lại | QLNN | HD sử nghiệp Kinh doanh | Không KD | HD khác |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 |
| I- Xe phục vụ chức danh | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| II- Xe phục vụ chung | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| III- Xe chuyên dùng | | | | | | | | | | | | | | | | |
| I- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | | | | | | | | | | |

..... ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

..... ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu:
 - Báo cáo kê khai bổ sung:
- (Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung)

Bộ, tỉnh:.....
 Đơn vị chủ quản:.....
 Đơn vị sử dụng tài sản:.....
 Mã đơn vị:.....
 Loại hình đơn vị:.....

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CÓ NGUYÊN GIÁ TỪ 500 TRIỆU ĐỒNG TRỞ LÊN

| TÀI SẢN | KÝ HIỆU | NƯỚC SẢN XUẤT | NĂM SẢN XUẤT | NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG | GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (ngàn đồng) | | | | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (cái, chiếc) | | | |
|-------------------|---------|---------------|--------------|--------------------------|-------------------------------------|------------|-----------------|------|---------------------------------|----------|---------|--|
| | | | | | Nguyên giá | | Giá trị còn lại | QLNN | HĐ sự nghiệp | | HĐ khác | |
| | | | | | Nguồn NS | Nguồn khác | | | Kinh doanh | Không KD | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | |
| 1- Tài sản ... | | | | | | | | | | | | |
| 2- Tài sản ... | | | | | | | | | | | | |
| 3- Tài sản ... | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm

XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

- Báo cáo kê khai lần đầu:

- Báo cáo kê khai bổ sung:

(Trường hợp kê khai lần đầu đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai lần đầu, trường hợp kê khai bổ sung đánh (x) vào dòng Báo cáo kê khai bổ sung)

Bộ, tỉnh:.....
 Đơn vị chủ quản:.....
 Đơn vị sử dụng tài sản:.....
 Mã đơn vị:.....
 Loại hình đơn vị:.....

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN LIỆU VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Từ ngày / / đến ngày / /

| TT | TÊN NVL, CCDC, SPHH | TÒN ĐẦU KÌ | | NHẬP TRONG KÌ | | XUẤT TRONG KÌ | | TÒN CUỐI KÌ | |
|----|---------------------|------------|---------------------|---------------|---------------------|---------------|---------------------|-------------|---------------------|
| | | SL | Giá trị (ngàn đồng) | SL | Giá trị (ngàn đồng) | SL | Giá trị (Ngàn đồng) | SL | Giá trị (ngàn đồng) |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm

XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:
Mã đơn vị:

Mẫu số 02C-DK/TSNN

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Phần 1: Tổng hợp chung

DVT: - Số lượng là:..... cái, khuôn viên;
- DT đất là:..... m²;
- DT nhà là:..... m²;
- Nguyên giá là:..... đồng.

| TÀI SẢN | SỐ ĐẦU KỲ | | | SỐ TĂNG TRONG KỲ | | | SỐ GIẢM TRONG KỲ | | | SỐ CUỐI KỲ | | | |
|--|-----------|-----------|------------|------------------|-----------|------------|------------------|-----------|------------|------------|-----------|------------|----|
| | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | |
| 1- Đất khuôn viên | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 2- Nhà | | | | | | | | | | | | | |
| 3- Xe ô tô | | | | | | | | | | | | | |
| 4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | |

..... ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

..... ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị:

Mẫu số 02C-DK/TSNN

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
Kỳ báo cáo: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Phần 2: Chi tiết theo loại hình đơn vị

ĐVT: Số lượng là:..... cái, khuôn viên; DT đất là:..... m²; DT nhà là:..... m²; Nguyên giá là:..... đồng.

| TÀI SẢN | SỐ ĐẦU KỲ | | | SỐ TĂNG TRONG KỲ | | | SỐ GIẢM TRONG KỲ | | | SỐ CUỐI KỲ | | |
|--|-----------|-----------|------------|------------------|-----------|------------|------------------|-----------|------------|------------|-----------|------------|
| | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá |
| I | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| I- Khối quản lý nhà nước | | | | | | | | | | | | |
| 1- Đất khuôn viên | | | | | | | | | | | | |
| 2- Nhà | | | | | | | | | | | | |
| 3- Xe ô tô | | | | | | | | | | | | |
| 4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên | | | | | | | | | | | | |
| II- Khối sự nghiệp | | | | | | | | | | | | |
| 1- Đất khuôn viên | | | | | | | | | | | | |
| 2- Nhà | | | | | | | | | | | | |
| 3- Xe ô tô | | | | | | | | | | | | |
| 4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên | | | | | | | | | | | | |
| III- Khối các tổ chức | | | | | | | | | | | | |
| 1- Đất khuôn viên | | | | | | | | | | | | |
| 2- Nhà | | | | | | | | | | | | |
| 3- Xe ô tô | | | | | | | | | | | | |
| 4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm

XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bộ, tỉnh:.....
Mã đơn vị:.....

Mẫu số 02C-ĐK/TSNN

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Phần 3: Chi tiết theo từng đơn vị

DVT: Số lượng là:..... cái, khuôn viên; DT đất là:..... m², DT nhà là:..... m²; Nguyên giá là:..... đồng.

| TÀI SẢN | MÃ ĐƠN VỊ | SỐ ĐẦU KỲ | | | SỐ TĂNG TRONG KỲ | | | SỐ GIẢM TRONG KỲ | | | SỐ CUỐI KỲ | | |
|--|-----------|-----------|-----------|------------|------------------|-----------|------------|------------------|-----------|------------|------------|-----------|------------|
| | | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá | Số lượng | Diện tích | Nguyên giá |
| I- Đơn vị dự toán cấp 2/UBND huyện... | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 1- Đất khuôn viên | | | | | | | | | | | | | |
| 2- Nhà | | | | | | | | | | | | | |
| 3- Xe ô tô | | | | | | | | | | | | | |
| 4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên | | | | | | | | | | | | | |
| II- Đơn vị dự toán cấp 2/UBND huyện... | | | | | | | | | | | | | |
| 1- Đất khuôn viên | | | | | | | | | | | | | |
| 2- Nhà | | | | | | | | | | | | | |
| 3- Xe ô tô | | | | | | | | | | | | | |
| 4- Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | | | | | | |

..... ngày..... tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

..... ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Cơ quan chủ quản
 Tên Ban QLDA.....

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC

Địa chỉ:.....

Tên dự án:.....

I- Về đất:
 a- Diện tích khuôn viên đất:.....m².

b- Hiện trạng sử dụng:
 Làm trụ sở làm việc.....m²

Sử dụng khác.....m²

c- Giá trị theo sổ kế toán:..... nghìn đồng.

II- Về nhà:

ĐVT cho : Diện tích : m² ; Số lượng: khuôn viên ; Giá trị: nghìn đồng

| TÀI SẢN | CẤP HẠNG | NĂM XÂY DỰNG | NĂM SỬ DỤNG | NGUỒN GIÁ | | | | GIÁ TRỊ CÒN LẠI | SỐ TẦNG | DT SẢN XÂY DỰNG | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m ²) | |
|-------------------|----------|--------------|-------------|-----------|----------|-----------|-----------------------------------|-----------------|---------|-----------------|--------------------------------------|-----------------|
| | | | | Tổng cộng | Nguồn NS | Nguồn ODA | Trong đó Nguồn viện trợ phi CP | | | | Nguồn khác | Trụ sở làm việc |
| 1- Nhà A | | | | | | | | | | | | |
| 2- Nhà B | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | | | | | | |

III- Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà, đất: (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác).

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Cơ quan chủ quản
 Tên Ban QLDA.....

Mẫu số 01b-DK/TSĐA

BÁO CÁO KÊ KHAI XE Ô TÔ

ĐVT cho: Số lượng: cái ; Giá trị: nghìn đồng

| TÀI SẢN | NHÃN HIỆU | BIÊN KIỂM SOÁT | SỔ CHỖ NGỒI/TẠI TRÔNG | NƯỚC SẢN XUẤT | NĂM SẢN XUẤT | NĂM SỬ DỤNG | DUNG TÍCH XI LANH | NGUỒN HÌNH THÀNH | NGUỒN GIẢ | | | | GIÁ TRỊ CÒN LẠI | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | |
|--------------------|-----------|----------------|-----------------------|---------------|--------------|-------------|-------------------|------------------|-----------|----------|-----------|-----------------------|-----------------|--------------------|------------|
| | | | | | | | | | Tổng cộng | Trong đó | | | | Hoạt động khác | |
| | | | | | | | | | | Nguồn NS | Nguồn ODA | Nguồn viện trợ phi CP | | | Nguồn khác |
| I- Dự án 1 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| II- Dự án 2 | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2- Xe ... | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm
 Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
 THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 01c-ĐK/TSDA

Cơ quan chủ quản

Tên Ban QLDA.....

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ, ĐẤT, XE Ô TÔ)

ĐVT cho: Số lượng : cái, chiếc ; Giá trị: nghìn đồng

| TÀI SẢN | KÝ HIỆU | NƯỚC SẢN XUẤT | NĂM SẢN XUẤT | NĂM SỬ DỤNG | NGUỒN HÌNH THÀNH | GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN | | | | GIÁ TRỊ CÒN LẠI | HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG | |
|--------------------|---------|---------------|--------------|-------------|------------------|-------------------------|----------|-----------|-----------------------|-----------------|--------------------|---------|
| | | | | | | Tổng cộng | Trong đó | | | | Quản lý dự án | HD khác |
| | | | | | | | Nguồn NS | Nguồn ODA | Nguồn viện trợ phi CP | Nguồn khác | | |
| I. Dự án 1 | | | | | | | | | | | | |
| 1- Tài sản ... | | | | | | | | | | | | |
| 2- Tài sản ... | | | | | | | | | | | | |
| 3- Tài sản ... | | | | | | | | | | | | |
| II. Dự án 2 | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Cơ quan chủ quản

Tên Ban QLDA.....

BÁO CÁO KÊ KHAI THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN LÀ TRỤ SỞ LÀM VIỆC

| STT | CHI TIÊU | THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI | THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI | NGÀY THÁNG THAY ĐỔI | LÝ DO THAY ĐỔI |
|-----|--|----------------------|----------------------------|---------------------|----------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. Về đất | | | | |
| 1 | Tên tài sản | | | | |
| 2 | Địa chỉ khuôn viên đất | | | | |
| 3 | Tổng diện tích (m ²) | | | | |
| 4 | Giá trị (nghìn đồng) | | | | |
| 5 | Hiện trạng sử dụng (m ²) + Làm trụ sở làm việc + Sử dụng khác | | | | |
| 6 | Thông tin khác | | | | |
| | II. Về nhà | | | | |
| 1 | Tên nhà | | | | |
| 2 | Thuộc khuôn viên đất | | | | |
| 3 | Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²) | | | | |
| 4 | Số tầng | | | | |
| 5 | Nguyên giá (nghìn đồng) + Nguồn ngân sách + Nguồn ODA + Nguồn viện trợ phi CP | | | | |

| | | | | | |
|---|---|--|--|--|--|
| | + Nguồn khác | | | | |
| 6 | Giá trị còn lại (nghìn đồng) | | | | |
| 7 | Hiện trạng sử dụng (m ²) | | | | |
| | + Làm trụ sở làm việc | | | | |
| | + Sử dụng khác | | | | |
| 8 | Thời gian sử dụng được đánh giá lại (năm) | | | | |
| 9 | Thông tin khác | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02b-DK/TSDA

Cơ quan chủ quản
Tên Ban QLDA.....

BÁO CÁO KÊ KHAI THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN LÀ XE Ô TÔ

| STT | CHỈ TIÊU | THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI | THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI | NGÀY THÁNG THAY ĐỔI | LÝ DO THAY ĐỔI |
|-----|--|----------------------|----------------------------|---------------------|----------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Biên kiểm soát | | | | |
| 2 | Loại xe | | | | |
| 3 | Nguyên giá (nghìn đồng) + Nguồn ngân sách + Nguồn ODA + Nguồn viện trợ phi CP + Nguồn khác | | | | |
| 4 | Giá trị còn lại (nghìn đồng) | | | | |
| 5 | Số chỗ ngồi/ tải trọng | | | | |
| 6 | Hiện trạng sử dụng: + Quản lý dự án + Hoạt động khác | | | | |
| 7 | Thời gian sử dụng được đánh giá lại (năm) | | | | |
| 8 | Thông tin khác | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan chủ quản
Tên Ban QLDA.....

Mẫu số 02-c-DK/TSDA

BÁO CÁO KÊ KHAI THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ, ĐẤT, XE Ô TÔ)

| STT | CHỈ TIÊU | THÔNG TIN ĐÃ KÊ KHAI | THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI | NGÀY THÁNG THAY ĐỔI | LÝ DO THAY ĐỔI | |
|-----|--|----------------------|----------------------------|---------------------|----------------|---|
| 1 | Tên tài sản | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 2 | Loại tài sản | | | | | |
| 3 | Nguyên giá (nghìn đồng) + Nguồn ngân sách + Nguồn ODA + Nguồn viện trợ phi CP + Nguồn khác | | | | | |
| 4 | Giá trị còn lại (nghìn đồng) | | | | | |
| 5 | Thông số kỹ thuật | | | | | |
| 6 | Hiện trạng sử dụng: + Quản lý dự án + Hoạt động khác | | | | | |
| 7 | Thời gian sử dụng được đánh giá lại (năm) | | | | | |
| 8 | Thông tin khác | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Cơ quan chủ quản
Tên Ban QLDA.....

Mẫu số 03/TSDA

BÁO CÁO KÊ KHAI XÓA THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU

| STT | MÃ TÀI SẢN | TÊN TÀI SẢN | NGÀY THÁNG THAY ĐỔI | LÝ DO THAY ĐỔI |
|-----|------------|---------------------------------------|---------------------|----------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | | Ví dụ: Đất trụ sở Ban quản lý dự án A | | |
| 2 | | Ví dụ: Nhà làm việc A | | |
| 3 | | Ví dụ: Ô tô Biển kiểm soát 30A- 9999 | | |
| 4 | | Ví dụ: Máy nội soi | | |

....., ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

(Ký, họ tên và đóng dấu)

